

B/C Quý II

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II/2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65,768,171,887	65,762,463,713
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25,065,157,603	15,532,033,266
1. Tiền	111		6,065,157,603	9,532,033,266
2. Các khoản tương đương tiền	112		19,000,000,000	6,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37,398,395,648	49,524,513,085
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	42,556,894,448	55,396,774,185
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(5,158,498,800)	(5,872,261,100)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3,249,533,959	613,488,683
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	461,304,070	556,181,067
2. Trả trước cho người bán	132		140,000,000	57,307,616
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	2,648,229,889	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		55,084,677	92,428,679
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	6,783,993	13,567,995
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	48,300,684	78,860,684

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35,439,603	42,231,831
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
<i>Nguyên giá</i>	222		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		35,439,603	42,231,831
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	35,439,603	42,231,831
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		65,803,611,490	65,804,695,544

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		423,386,393	1,308,351,755
I. Nợ ngắn hạn	310		423,386,393	1,308,351,755
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	33,536,500	831,968,870
5. Phải trả người lao động	315		2,500,000	170,851,250
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	387,349,893	305,531,635
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		65,380,225,099	64,496,343,791
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	65,380,225,099	64,496,343,791
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15,380,225,099	14,496,343,791
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		65,803,611,492	65,804,695,546

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2

2

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		6,593,400,000	10.893.400.000
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		25,893,410,000	25,893,410,000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		3,701,405,931	13,569,963,500
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		310,222,838,320	307,806,924,000
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		6,045,041,400	1,940,480
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		415,032,115	1,006,240,000

Lập, ngày 10 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Thị Mến

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Đỗ Thanh Hương



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II/2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	số	minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		883,881,311	3,401,306,856
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		-	(12,617,376)
- Các khoản dự phòng	03		(713,762,300)	385,005,434
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25,694,598)	(3,645,326,941)
- Chi phí lãi vay	06		-	(3,231,976)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		144,424,413	125,135,997
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12,882,624,347	333,433,588
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(119,865,992)	(121,950,845)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		13,576,230	5,967,999
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	3,231,976
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(765,099,370)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12,155,659,628	345,818,715
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	14,194,545
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(2,622,535,291)	797,051,841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,622,535,291)	811,246,386

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	số	minh	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		9,533,124,337	1,157,065,101
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	15,532,033,266	12,605,208,796
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	25,065,157,603	13,762,273,897

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 10 tháng 7 năm 2014

Giám đốc

Phan Thị Mến

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Đỗ Thanh Hương



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II/2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH 1 thành viên
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 Công ty có 07 nhân viên đang làm việc .

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty Quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Công ty Quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Tiền và tương đương tiền**



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QuýII/2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị, dụng cụ quản lý là 03 năm

5. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

6. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Nguồn vốn kinh doanh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II/2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

11. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QuýII/2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

12. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

13. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QuýII/2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền gửi ngân hàng	6.065.157.603	9.532.033.266
Các khoản tương đương tiền	19.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	25.065.157.603	15.532.033.266

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	3.248.681	42.556.894.448	3.678.681	55.396.774.185
<i>Công ty cổ phần cao su</i>			40.000	1.787.333.449
<i>Đồng Phú</i>				
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn</i>			201.100	4.843.566.325
<i>Dabaco Việt Nam - DBC</i>				
<i>Công ty Cổ phần Bảo hiểm</i>	2.589.341	33.060.341.600	2.589.341	33.060.341.600
<i>Bưu điện – PTI</i>				
<i>Ngân hàng TMCP quân đội</i>	300.000	4.427.592.300	500.000	7.412.500.000
<i>Công ty hóa dầu Petrolimex</i>			280.000	6.884.809.800
<i>Công ty cổ phần Sonadezi</i>			68.240	1.408.223.610
<i>Long Thành</i>				
<i>Công ty cổ phần khoáng sản</i>	10.000	300.000.000		
<i>Bình Định</i>				
<i>Công ty CP phát triển đầu tư</i>	60.000	2.820.000.000		
<i>công nghệ FPT</i>				
<i>Công ty cổ phần cơ điện và</i>	289.340	1.948.960.548		
<i>xây dựng Việt Nam</i>				
Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm)	-	-	-	-
Cộng		42.556.894.448		55.396.774.185

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu kỳ	5.872.261.100	5.872.261.100
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	713.762.300	-
Số cuối năm	5.158.498.800	5.872.261.100

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	37.024.524	231.244.916
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	357.279.546	324.936.151
Trung tâm Giao dịch chứng khoán	67.000.000	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QuýII/2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cộng	<u>461.304.070</u>	<u>556.181.067</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Kinh phí công đoàn phải thu	-	-
Dự thu lãi tiền gửi	58.888.889	-
Dự thu cổ tức PTI	2.589.341.000	-
Cộng	<u>2.648.229.889</u>	<u>-</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí bảo hiểm trả trước cho nhiều kỳ.

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tạm ứng	38.300.684	68.860.684
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Cộng	<u>48.300.684</u>	<u>78.860.684</u>

8. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí viễn thông trả trước	4.774.008	-	681.999	4.092.009
Công cụ dụng cụ	37.458.073	-	6.110.229	31.347.594
Cộng	<u>42.231.831</u>	<u>-</u>	<u>6.792.228</u>	<u>35.439.603</u>

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế thu nhập cá nhân	66.869.500	33.536.500	66.869.500	33.536.500
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	765.099.370	-	765.099.370	-
Cộng	<u>831.968.870</u>	<u>836.565.370</u>	<u>65.146.754</u>	<u>33.536.500</u>

Thuế giá trị gia tăng

Loại hình kinh doanh của Công ty thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập cung cấp dịch vụ với thuế suất 20%, các khoản thu nhập từ kinh doanh chứng khoán với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	883.881.311	3.401.306.856
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để	(2.774.877.000)	(2.848.276.100)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QuýII/2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.774.877.000)	(2.848.276.100)
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế	(1.890.995.689)	553.030.756
Thuế TNDN thuế suất 25%		138.257.689
Thuế TNDN thuế suất 22%		
Thuế TNDN thuế suất 20%		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp		156.680.569

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Kinh phí công đoàn	6.875.446	6.105.446
Phải trả tiền thuê văn phòng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư IPA	9.963.748	7.905.283
Phải trả Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect về tiền chi hộ	370.510.699	291.520.906
Cộng	387.349.893	305.531.635

11. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	50.000.000.000	10.471.603.142	60.471.603.142
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	4.024.740.646	4.024.740.646
Số dư cuối kỳ trước	50.000.000.000	14.496.343.788	64.496.108.791
Số dư đầu kỳ nay	50.000.000.000	14.496.343.788	64.496.108.791
Lợi nhuận trong kỳ nay	-	883.881.311	883.881.311
Số dư cuối kỳ nay	50.000.000.000	15.380.225.099	65.380.225.099

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

Là Doanh thu dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư.

2. Giá vốn hàng bán

Là Chi phí cho hoạt động Quản lý danh mục đầu tư.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QuýII/2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	142,305,561	144,444,443.
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	21,976,804	11,580,013
Cổ tức lợi nhuận được chia	2.774.877.000	2.848.276.100
Lãi kinh doanh chứng khoán	526.400.000	945.542.637
Cộng	3.465.559.365	3.949.843.193

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(713,762,300)	385,005,434
Lỗ hoạt động kinh doanh chứng khoán	3,386,424,737	245.863.200
Phí mua bán chứng khoán	52,090,761	56,872,509
Chi phí tài chính khác	1,349,269	5,012,519
Cộng	2.726.102.467	692,753,662

5. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	389.780.000	469.619.090.
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.440.247	7.773.635
Chi phí bằng tiền khác		1.777.273
Cộng	446.220.247	479.169.998

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	144.184.002	132.506.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.742.047	
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	1.577.169
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.450.276	101.084.675
Chi phí bằng tiền khác	25.303.306	12.564.603
Cộng	253.375.430	247.732.447

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp	128.500.000	127.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
----------------------	--------------------

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QuýII/2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect		
Tiền gửi hỗ trợ lãi suất	19.000.000.000	6.000.000.000
Dự thu lãi tiền hỗ trợ lãi suất	58.888.889	-
Phí quản lý danh mục đầu tư	357.279.546	324.936.151
Cộng nợ phải thu	19.416.168.435	6.324.936.151
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA		
Phải trả tiền thuê văn phòng, thuế môn bài cho Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư IPA	9.963.748	7.905.283
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect		
Phải trả các khoản chi trả hộ	370.510.699	291.520.906
Cộng nợ phải trả	380.474.447	299.426.189

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực quản lý danh mục đầu tư và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Lập, ngày 10 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc****Phan Thị Mến****Nguyễn Thị Thanh Thủy****Đỗ Thanh Hương**

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý II năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng / giảm trong kỳ				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Giảm	Kỳ trước		Kỳ này	Kỳ trước
						Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V11	50.000.000.000	50.000.000.000					50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần									
3. Vốn khác của chủ sở hữu									
4. Cổ phiếu quỹ									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
7. Quỹ đầu tư phát triển									
8. Quỹ dự phòng tài chính									
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		14.496.343.788	8.453.689.420	883.881.311		3.244.626.287		15.380.225.099	11.698.315.707
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		64.496.343.788	58.453.689.420	883.881.311		3.244.626.287		65.380.225.099	61.698.315.707
Cộng				883.881.311		3.244.626.287		65.380.225.099	61.698.315.707

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hạnh

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2014



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	844,020,090	871,120,240
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		844,020,090	871,120,240
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2	446,220,247	479,169,998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		397,799,843	391,950,242
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,465,559,365	3,949,843,193
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,726,102,467	692,753,662
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	253,375,430	247,732,447
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		883,881,311	3,401,307,326
10. Thu nhập khác	31	VI.6	-	1,044
11. Chi phí khác	32	VI.7	-	1,514
12. Lợi nhuận khác	40		-	(470)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		883,881,311	3,401,306,856
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	156,680,569
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>883,881,311</u>	<u>3,244,626,287</u>

Lập, ngày 10 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Thị Mến

Nguyễn Thị Thanh Thủy



Đỗ Thanh Hương